BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ HUYỆN THANH LIÊM TRONG TỈNH HÀ NAM

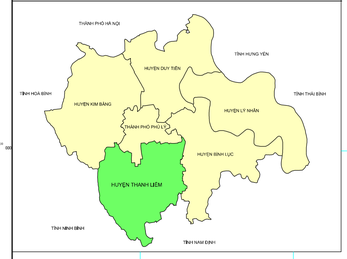

HUYỆN KIM BẢNG

TP.PHỦ LÝ

HUYỆN BÌNH LỤC

TỈNH HOÀ BÌNH

TỈNH NAM ĐỊNH

TỈNH NINH BÌNH

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030
(Tổng diện tích tự nhiên 16.491,81 ha)

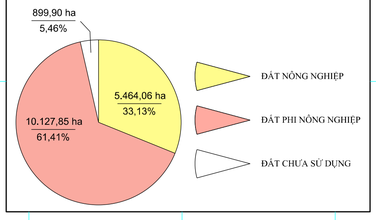

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP TRÊN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
LUA	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất trồng lúa
LUC	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất chuyên trồng lúa nước
LUK	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất trồng lúa nước còn lại
HNK		4.317 (5.464)	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất trồng cây lâu năm
RPH	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất rừng phòng hộ
RDD	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất rừng đặc dụng
RSX	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất rừng sản xuất
RSN	4.317 (5.464)		Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS		4.317 (5.464)	Đất nuôi trồng thuỷ sản
			Đất làm muối
NKH		4.317 (5.464)	Đất nông nghiệp khác
CQP	4.317 (5.464)		Đất quốc phòng
CAN	4.317 (5.464)		Đất an ninh
SKK	4.317 (5.464)		Đất khu công nghiệp
SKN	4.317 (5.464)		Đất cụm công nghiệp
SKT	4.317 (5.464)		Đất khu chế xuất
TMD	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKS	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
SKX		4.317 (5.464)	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DHT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất phát triển hạ tầng
DGT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất giao thông
DTL	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất thủy lợi
DVH	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất công trình năng lượng
DBV	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất công trình bưu chính, viễn thông
DKG	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP TRÊN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
DDT	4.317 (5.464)		Đất có di tích lịch sử - văn hóa
DRA	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất bãi thải, xử lý chất thải
TON	4.317 (5.464)		Đất sinh hoạt cộng đồng
NTD	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DKH		4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ
DKH		4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội
DCH		4.317 (5.464)	Đất chợ
DDL	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất danh lam thắng cảnh
DSH		4.317 (5.464)	Đất sinh hoạt cộng đồng
DKV		4.317 (5.464)	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất ở tại nông thôn
ODT	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất ở tại đô thị
TSC	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
DNG	4.317 (5.464)	4.317 (5.464)	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao
TIN		4.317 (5.464)	Đất cơ sở tín ngưỡng
SON		4.317 (5.464)	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
MNC		4.317 (5.464)	Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK		4.317 (5.464)	Đất phi nông nghiệp khác
CSD			Đất chưa sử dụng

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
		Đất giới hành chính cấp tỉnh
		Đất giới hành chính cấp huyện
		Đất giới hành chính cấp xã
		Trụ sở UBND cấp huyện
		Trụ sở UBND cấp xã
		Đình, chùa, miếu, đền
		Nhà thờ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đường sắt
		Quốc lộ
		Đường tỉnh
		Đường huyện
		Đường liên xã
		Đường thôn, xóm, khu phố, đất nhỏ
		Đường hầm
		Đê
		Cầu
		Cầu vượt
		Cống
		Sông, suối, ao, hồ
		Kênh, mương
		Đập
1.16	1.16	Đỉnh đồi, ghi chỉ độ cao đỉnh đồi. Điểm độ cao, ghi chú điểm độ cao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Hà Nam, ngày 21 tháng 9 năm 2021	*Hà Nam, ngày 14 tháng 09 năm 2021*	*Thanh Liêm, ngày 08 tháng 09 năm 2021*	*Hà Nam, ngày 08 tháng 09 năm 2021*
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*

NGUỒN TÀI LIỆU:
- Bản đồ địa chính các xã, thị trấn
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện

TỶ LỆ: 1/10.000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:
- Công ty CP tư vấn Tài nguyên và Môi trường Nam Hà